

Bản án số: 260/2021/HC-PT

Ngày: 02 - 12 - 2021

V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: Ông Trương Minh Tuấn

Ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Lê Phước Thanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 181/2021/TLPT-HC ngày 29 tháng 3 năm 2021 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2021/HC-ST ngày 27-01-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 477/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1936 (chết) và bà Trần Thị Bích V, sinh năm 1937; cùng địa chỉ: Tổ 12, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Bích V: Bà Nguyễn Thị Bích C, sinh năm 1972; địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi và ông Phan Văn V, sinh năm 1981; địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn T:

- Bà Trần Thị Bích V, sinh năm 1937; địa chỉ: Tổ 12, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

- Bà Nguyễn Thị Bích C, sinh năm 1972; địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi, có mặt;

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1962; địa chỉ: tỉnh Đắc Lắc, vắng mặt;

- Bà Nguyễn Thị Bích C, sinh năm 1974; địa chỉ: tỉnh Đắc Lắc;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bích C: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1962; địa chỉ: tỉnh Đắc Lắc, vắng mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đoàn Thị Hoa K, chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xét xử vắng mặt.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn L, chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Trần Thị Bích V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo bản án sơ thẩm, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, thể hiện:

Ngày 06/9/2019, ông Nguyễn Văn T nhận được Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn Văn T. Không đồng ý với Quyết định này ông đã có văn bản khiếu nại lần 02 đối với Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch UBND phường C, thành phố Q. Ngày 28/11/2019, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 8251/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 02 đối với ông Nguyễn Văn T. Nhận thấy, 02 Quyết định nêu trên của cơ quan có thẩm quyền đã xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của ông, bà. Bởi các lý do như sau:

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1020, tờ bản đồ số 01 có diện tích sử dụng hơn 582m² có nguồn gốc như sau: Vào năm 1965, ông có mua của ông Trần Văn T và sử dụng vào mục đích duy nhất là xây dựng nhà ở ổn định cho đến nay. Ngày 07/8/2015, UBND thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CB 018752, số vào sổ cấp GCN: CH06627, thửa số 1020, tờ bản đồ số 01, diện tích 530,1m². Theo Biên bản kết thúc niêm yết công khai ngày 24/6/2015 của UBND phường C, thành phố Q đã xác nhận phần diện tích được công nhận là 530,1m² và chưa được công nhận là 56,2m².

Năm 2017, ông có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với phần diện tích còn lại 56,2m² thuộc thửa đất số 1020, tờ bản đồ số 1 tờ 12, phường C do ông trực tiếp quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, tại Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch UBND phường C, thành phố Q và Quyết định số 8251/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q đã bác yêu cầu khiếu nại, bác giấy chứng nhận của ông với nội dung như sau: “Diện tích 56,2m² ông Nguyễn Văn T xin đăng ký cấp GCNQSDĐ nguồn gốc là lấn chiếm của nhà nước quản lý, thuộc thửa 1113, tờ bản đồ số 01, diện tích 640m² theo tờ bản đồ đo vẽ năm 1993, thuộc đất sinh hoạt văn hóa của tờ 12, phường C...”. Xét thấy, việc căn cứ vào nội dung trên để bác yêu cầu của ông là trái pháp luật.

Tại Báo cáo số 407/BC-TNMT ngày 21/8/2018 của Phòng TN&MT thành phố đã có nội dung như sau: Tại phần kiến nghị nêu rõ “... Ngày 07/8/2015, ông T đã được UBND thành phố cấp GCNQSDĐ tại thửa số 1020, diện tích 530,1m² (trong đó 300m² đất ODT; 230,1m² đất HNK), tờ bản đồ số 01, đo vẽ năm 1993. ... theo Điều 5 Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 02/3/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và phần đất nêu trên mục đích hiện trạng sử dụng là đất trồng cây hàng năm khác (không có công trình xây dựng trên phần diện tích 50m² này). Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ và khoản 6 Điều 103 Luật Đất đai năm 2013 thì ông T đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ với diện tích 50m² nêu trên...”. Đồng thời, theo trích lục bản đồ qua các thời kỳ như Bản đồ năm 1983, 1993 và tờ bản đồ đo vẽ năm 2011 về giới cận không có sự thay đổi về hình thể của thửa đất. Đối với 01 người sử dụng đất thì hiện trạng thửa đất của ông đang sử dụng không có sự thay đổi về giới cận, nên UBND phường C cho rằng ông lấn chiếm đất là không có căn cứ.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Bích V trình bày: Diện tích 56,2m² ông T sử dụng ổn định từ 1965 đến nay. Tại thời điểm ông T đi đăng ký kê khai không có tranh chấp giữa ông T với trường mẫu giáo. Nhưng UBND phường C không xác nhận nguồn gốc đất để ông T được cấp giấy chứng nhận là hành vi trái pháp luật. Ông T khiếu nại thì Chủ tịch UBND phường C ban hành Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 26/4/2019. Đến 28/8/2019, Chủ tịch UBND phường C ban hành Quyết định số 103/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Nguyễn Văn T, trong khi chưa có quyết định bãi bỏ hoặc thu hồi Quyết định số 62 là trái với Điều 12 của Luật ban hành văn bản. Đồng thời, UBND phường C không xác minh đối tượng tranh chấp nhưng đã giải quyết. Đối với Quyết định số 8251/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q không đúng trình tự, vì khi tiến hành đối thoại không có 12 hộ dân tham gia. Từ những căn cứ trên đề nghị Tòa án tuyên hủy các Quyết định như sau:

- Hủy Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (Lần đầu).

- Hủy Quyết định số 8251/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Văn T.

2. Theo bản án sơ thẩm, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nội dung tại văn bản số 221/UBND ngày 07/6/2020, trình bày của người bị kiện UBND phường C, thể hiện:

Ngày 28/8/2019, Chủ tịch UBND phường C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 103/QĐ-UBND với nội dung: Không công nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn T về việc UBND phường C xác nhận trong đơn đăng ký

cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (đơn ghi ngày 15/5/2017); xác nhận diện tích 56,2m² ông Nguyễn Văn T xin cấp GCNQSDĐ có nguồn gốc thuộc Trường mẫu giáo và xác nhận cho rằng một số hộ dân tổ 4 có đơn kiến nghị không cấp GCSQSDĐ cho ông Nguyễn Văn T, bởi các lý do sau:

- Ông Nguyễn Văn T kê khai cấp GCNQSDĐ có nguồn gốc mua của ông Trần Văn T là không đúng với nguồn gốc sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T mua của ông Nguyễn Văn T năm 1965, đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn T thửa đất số 1020, tờ bản đồ số 1, diện tích 530,1m².

- Diện tích 50m² ông Nguyễn Văn T xin cấp GCNQSDĐ nguồn gốc lấn chiếm của Nhà nước quản lý. Theo Bản đồ đo vẽ năm 1983 thuộc thửa đất số 156, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.140m², đứng tên Trường học thôn 5.

- Ngày 15/6/2017, UBND phường C tiếp nhận đơn yêu cầu của tập thể nhân dân tổ 12, phường C về việc dừng làm thủ tục cấp GCNQSDĐ của hộ ông Nguyễn Văn T ở tổ 12, phường C, thành phố Q, đơn đề ngày 14/6/2017. Căn cứ Điều 70 Nghị định 43/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì về nguồn gốc và thời điểm sử dụng có tranh chấp, nên diện tích đất này ông Nguyễn Văn T không đủ điều kiện để cấp GCNQSDĐ và tài sản gắn liền với đất theo Luật Đất đai năm 2013.

- Ngày 23/9/2017, UBND phường tổ chức họp lấy ý kiến khu dân cư tổ 12 đối với phần diện tích đất 56,2m² mà ông Nguyễn Văn T đề nghị cấp GCNQSDĐ. Ý kiến biểu quyết của tất cả bà con nhân dân tham dự buổi họp không thống nhất cấp GCNQSDĐ phần diện tích 56,2m².

Căn cứ vào quy định tại Điều 17 Luật Khiếu nại năm 2011, Chủ tịch UBND phường thụ lý và giải quyết khiếu nại lần đầu đối với trường hợp khiếu nại của ông Nguyễn Văn T là đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.

- Căn cứ pháp lý về nội dung giải quyết khiếu nại đều đã được nêu cụ thể trong Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch UBND phường C, về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T. Khiếu nại của ông Nguyễn Văn T là không có cơ sở. Ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh hủy Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch UBND phường là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án xem xét bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn T.

3. Theo bản án sơ thẩm, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nội dung tại văn bản số 2538/UBND ngày 22/5/2020, trình bày của Chủ tịch UBND thành phố Q, thể hiện:

- Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: Phần diện tích đã cấp GCNQSDĐ 530,1m² là do ông Nguyễn Văn T mua nhà, đất của ông Trần Văn T vào năm 1965 (không có giấy tờ). Theo Bản đồ đo vẽ năm 1983, thuộc thửa đất số 153, tờ bản đồ số 03, diện tích 380m², loại đất T; tương ứng theo Bản đồ đo vẽ năm 1993, thuộc thửa đất số 1020, tờ bản đồ số 01, diện tích 540m², loại đất T. Theo Sổ mục kê:

Thửa đất 153, tờ bản đồ số 03, diện tích 380m², loại đất T, do ông T đứng tên trong Sổ mục kê. Ông Nguyễn Văn T nộp thuế sử dụng đất nhà ở từ năm 1997 với diện tích 540m². Ngày 07/8/2015, ông Nguyễn Văn T được UBND thành phố Q cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 1020, diện 530,1m² (trong đó, 300m² đất ODT; 230,1m² đất HNK), tờ bản đồ số 01, đo vẽ năm 1993; nhà ở riêng lẻ: Cấp IV, diện tích chiếm đất 51,3m², diện tích sàn 51,3m²; cấp III, diện tích chiếm đất 70m², diện tích sàn 144,5m².

Phần diện tích đất ông Nguyễn Văn T xin đăng ký cấp GCNQSDĐ có diện tích kê khai là 56,2m² (nay đo đạc thực tế là 50m²): Nguồn gốc trước đây là đất Trường học thôn 5 (nay là điểm sinh hoạt văn hóa tổ dân phố 4); theo Bản đồ đo vẽ năm 1983, thuộc một phần của thửa đất số 156, tờ bản đồ số 03, diện tích 2140m², loại đất T; tương ứng qua Bản đồ đo vẽ năm 1993, thuộc một phần thửa đất số 1113, tờ bản đồ số 01, diện tích 640m², do Trường học thôn 5 đứng tên trong Sổ mục kê; ông Nguyễn Văn T rào chiếm từ năm 1997. Ngày 31/10/2001, UBND phường làm việc với ông Nguyễn Văn T để giải quyết buộc ông dỡ dờ tường rào và ban hành Thông báo số 28/TB-UB, ngày 15/11/2001 yêu cầu ông Nguyễn Văn T tháo dỡ hàng rào trả lại mặt bằng đất cho Trường mẫu giáo, nhưng từ đó đến nay ông Nguyễn Văn T không chấp hành.

- Kết quả kiểm tra hồ sơ địa chính:

+ Đối với thửa đất của ông Nguyễn Văn T sử dụng: Bản đồ đo vẽ năm 1983 (còn gọi là Bản đồ giải thửa 299/TTg) phần đất vườn ông Nguyễn Văn T thuộc thửa đất 153, tờ bản đồ số 3, có diện tích 380m²; theo Sổ mục kê thửa đất số 153, tờ bản đồ số 3, diện tích 380m², loại đất T, trang số 101, quyền số 01, chủ sử dụng đất ghi tên Trục (Trim); theo Sổ đăng ký ruộng đất (mẫu 5b) không có đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg. Bản đồ đo vẽ năm 1993, thì thửa 153 của bản đồ 1983 thành thửa 1020, tờ bản đồ số 01, có diện tích 540m². Bản đồ đo vẽ năm 2000 thành thửa 3119, tờ bản đồ số 01, có diện tích 621,3m².

+ Đối với thửa đất của Trường Mẫu giáo (nay là điểm sinh hoạt văn hóa tổ 4) sử dụng: Bản đồ đo vẽ năm 1983, diện tích đất Trường mang số hiệu 156, tờ bản đồ số 3, có diện tích 2.140m²; theo Sổ mục kê, thửa đất số 156, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.140m², loại ruộng đất T, trang số 101, quyền số 01, chủ sử dụng đất ghi tên Trường học thôn 5; theo Sổ đăng ký ruộng đất (mẫu 5b), không có đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg. Bản đồ đo vẽ năm 1993, thửa đất số 156 gồm: Thửa 1113, tờ bản đồ số 01, có diện tích 640m² và một phần của các thửa 1023, 1482, 1019, 1114, 1117, 118, 1122, 1510, 1133. Bản đồ đo vẽ năm 2000, thửa 1168, tờ bản đồ số 01, có diện tích 473m².

- Việc xác nhận đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ xin cấp cho ông Nguyễn Văn T đối với phần diện tích 56,2m² và giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND phường C:

+ Ngày 15/5/2017, ông Nguyễn Văn T có đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, kê khai có nội dung: “Nguyên nhà, đất tôi mua của ông Trần Văn T từ năm 1965 và sử dụng để ở đến nay ổn định. Đã được cấp GCNQSDĐ ngày 07/8/2015 với diện tích 530,1m², trong đó có nhà ở; còn lại diện tích 56,2m², nay tôi xin đăng ký cấp giấy chứng nhận”. Ngày 07/6/2017, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, Chi nhánh thành phố phối hợp cùng Công chức địa chính - Xây dựng phường C và tổ trưởng tổ dân phố số 12 phường C, tiến hành kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T. Tại thời điểm kiểm tra, các hộ dân tổ 12 phường C ra ngăn cản không cho đo đạc đất của ông Nguyễn Văn T. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, Chi nhánh thành phố đã lập Biên bản kiểm tra, nội dung: “Tại thời điểm kiểm tra đo đạc, các hộ dân tổ 12 chưa thống nhất về ranh giới thửa đất ông Nguyễn Văn T đang đề nghị cấp GCNQSDĐ, lý do đất Nhà nước quản lý nên không cấp GCNQSDĐ cho ông T”.

+ Ngày 20/6/2017, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, Chi nhánh thành phố nhận được Đơn yêu cầu về việc xin dừng làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Văn T ở tổ 12, phường C. Đơn đề ngày 14/6/2017, nội dung: “Nhân dân tổ 12, phường C, thành phố Q đồng ký tên yêu cầu các cấp có thẩm quyền dừng ngay việc đo đạc để cấp GCNQSDĐ của hộ ông Nguyễn Văn T, ở tổ 12, phường C, vì những lý do như sau: Nguyên cách đây hơn 10 năm ông Nguyễn Văn T ở tổ 12, phường C đã lấn chiếm con đường đi rộng 2m, dài 20m. Sau đó, ông tiếp tục lấn một lô đất rộng 56,2m² thuộc Trường Mẫu giáo tổ 12, phường C nay thuộc điểm sinh hoạt văn hóa tổ 12. Lô đất liền kề con đường đi mà ông lấn chiếm trước đó...”. Ngày 23/9/2017, UBND phường C tổ chức buổi làm việc với nhân dân tổ 12 để lấy ý kiến khu dân cư đối với phần diện tích đất 56,2m² mà ông Nguyễn Văn T đề nghị cấp GCNQSDĐ. Tại cuộc họp toàn bộ các ý kiến của nhân dân đều cho rằng diện tích đất là do ông T lấn chiếm của Trường Mẫu giáo (đất nhà nước) và đề nghị không thống nhất cấp giấy chứng nhận cho ông T.

+ Ngày 26/9/2017, UBND phường C xác nhận vào đơn (ghi ngày 15/5/2017) đăng ký cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Văn T, với các nội dung: “(1). Nội dung kê khai so với hiện trạng...; (2). Nguồn gốc sử dụng đất: Ông Nguyễn Văn T sử dụng đất có nguồn gốc đất là của ông Nguyễn T tạo lập, ông T mua năm 1965 (giấy tờ thất lạc) ông T xây dựng nhà ở, đến ngày 07/8/2015 ông T được cấp GCNQSDĐ và sở hữu nhà ở với diện tích là 530,1m². Hiện nay, ông T xin đăng ký cấp giấy tiếp 56,2m² đất này có nguồn gốc là đất giáo dục (đất mẫu giáo) được thể hiện số 5A đăng ký năm 1983; (3). Thời điểm sử dụng đất và mục đích đăng ký: Diện tích 56,2m² không đăng ký; (4). Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất: Không có tài sản; (5). Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất: Một số hộ dân tổ 12 kiến nghị không cấp giấy chứng nhận; (6). Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng:...; (7). Nội dung

khác: Đơn nhân dân tổ 12 kiến nghị ngày 14/6/2017”. Ngày 20/12/2018, Văn Phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh thành phố ban hành Thông báo số 2006/TB-CNTPQN về việc trả lại hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của ông Nguyễn Văn T.

+ Ngày 16/01/2019, ông Nguyễn Văn T phát sinh đơn khiếu nại hành vi của UBND phường C, được Chủ tịch UBND phường C thụ lý, giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định 103/QĐ-UBND ngày 28/8/2019: Bác toàn bộ khiếu nại của ông Nguyễn Văn T. Không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND phường C, ông Nguyễn Văn T có đơn đề ngày 13/9/2019 tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố.

- Từ các nội dung khiếu nại, yêu cầu giải quyết của ông T, kết quả làm việc với các cá nhân, đơn vị liên quan và hồ sơ tài liệu hiện có, Chủ tịch UBND thành phố nhận định:

+ Căn cứ hồ sơ địa chính; kết quả rà soát hồ sơ, tài liệu xử lý, giải quyết của các cơ quan, đơn vị trước đây cho thấy phần diện tích đất 56,2m² (đo đạc thực tế 50m²) mà ông Nguyễn Văn T kê khai đăng ký cấp GCNQSDĐ thuộc một phần của thửa đất số 156, tờ bản đồ số 3, diện tích 2140m², loại đất T; tương ứng qua Bản đồ đo vẽ năm 1993, thuộc một phần của thửa đất 1113, tờ bản đồ số 01, diện tích 640m² do Trường học thôn 5 đứng tên trong Sổ mục kê (nay là điểm sinh hoạt văn hóa tổ 4), ông Nguyễn Văn T đã rào chiếm vào năm 1997. Tại thời điểm ông Nguyễn Văn T kê khai đăng ký cấp GCNQSDĐ nhân dân tổ 12 (nay là tổ 4), phường C có đơn đề ngày 14/6/2017 cho rằng ông Nguyễn Văn T lấn chiếm diện tích 56,2m² đất của Trường mẫu giáo trước đây và không đồng ý cấp GCNQSDĐ cho ông T. Căn cứ vào khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, UBND phường xác nhận trong đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ ghi ngày 15/5/2017 của ông Nguyễn Văn T là phù hợp với hồ sơ địa chính, đảm bảo đúng với thực tế.

+ Diện tích đất ông Nguyễn văn T mua của ông Nguyễn Văn T (không có giấy tờ) vào năm 1965 đã được UBND thành phố Q cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 1020, diện tích 530,1m² vào ngày 07/8/2015. Do đó, việc ông Nguyễn Văn T cho rằng diện tích đất 56,2m² (đo đạc thực tế 50m²) có nguồn gốc mua vào năm 1965 của ông Trần Văn T là không có cơ sở.

- Căn cứ Điều 18, Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011, Chủ tịch UBND thành phố Q thụ lý và giải quyết khiếu nại lần 02 đối với trường hợp khiếu nại của ông Nguyễn Văn T là đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.

- Căn cứ pháp lý về nội dung giải quyết khiếu nại đều đã được nêu cụ thể trong Quyết định số 8251/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q, về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T. Khiếu nại của ông T là không có cơ sở. Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh hủy Quyết định số

8251/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2021/HC-ST ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; Điều 213 và khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính. Luật khiếu nại năm 2011. Nghị định 43/2014 của Chính phủ. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Bích V về việc yêu cầu hủy Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (lần đầu) và hủy Quyết định số 8251/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Văn T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/02/2021, bà Trần Thị Bích V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Bích V trình bày giữ nguyên Đơn khởi kiện, Đơn kháng cáo: Nguồn gốc đất ông T mua của ông T năm 1965, sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai. Tờ bản đồ địa chính các thời kỳ thì thửa đất không thay đổi về hình thể, hiện trạng. Ranh giới thửa đất của ông T với thửa đất trường học là một đường đi. Do đó, không có căn cứ cho rằng ông T lấn đất trường học. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm để chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Bích V.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm.

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Kháng cáo của bà Trần Thị Bích V là trong thời hạn luật định.

+ Về nội dung vụ án: Biên bản đối thoại ngày 19/12/2007 thể hiện nội dung xác nhận của ông T về việc bán đất cho ông T: “Năm 1965 ông bán nhà chứ không bán đất, vì đất này là đất công điền, trong giấy chỉ ghi giới cận chứ không ghi diện tích, nhưng diện tích ông bán cho ông T không quá 400m². Tuy nhiên, UBND thành phố Q cấp GCNQSDĐ và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1020, tờ bản đồ số 01 do vẽ năm 1993, diện tích 530,1m²”. Diện tích đất Trường mẫu giáo theo bản đồ năm 1983 thuộc thửa đất số 156, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.140m² loại đất T. Bản đồ năm 2000 Trường mẫu giáo trở thành thửa đất số 1168, tờ bản đồ số 01, diện tích

473m² (chưa tính diện tích đường đi) là giảm. Có nhiều nguyên nhân giảm, trong đó có nguyên nhân ông T lấn 56,2m². Do đó, UBND thành phố Q không cấp GCNQSDĐ cho ông T đối với diện tích đất này. Bản án sơ thẩm quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Bích V là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Trần Thị Bích V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Ngày 08/02/2021, bà Trần Thị Bích V kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2021/HC-ST ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Như vậy, kháng cáo của bà Trần Thị Bích V là trong thời hạn luật định, do vậy được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 28/8/2019, Chủ tịch UBND phường C, thành phố Q ban hành Quyết định số 103/QĐ-UBND (103/QĐ-UBND) về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (lần đầu), với kết luận: “Bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn T và quyết định này thay thế cho quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND phường C”. Không đồng ý với Quyết định số 103/QĐ-UBND, ông Nguyễn Văn T tiếp tục khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thành phố Q. Ngày 28/11/2019, Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 8251/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Văn T, với kết luận: “Bác nội dung khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Văn T và công nhận việc giải quyết của Chủ tịch UBND phường C, thành phố Q tại Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 là đúng pháp luật”. Ngày 29/02/2019, ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Bích V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết, hủy Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch UBND phường C, thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (lần đầu) và hủy Quyết định số 8251/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Văn T. Như vậy, quyết định hành chính nêu trên được ban hành trong quá trình quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai, là đối tượng khởi kiện, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của bà Trần Thị Bích V:

[3.1] Ngày 07/8/2015, ông Nguyễn Văn T được UBND thành phố Q cấp GCNQSDĐ và tài sản khác gắn liền với đất số CB 108752, sổ vào sổ cấp GCN: CH06627 đối với thửa đất số 1020, tờ bản đồ số 01, diện tích 530,1m² (trong đó:

300m² đất ODT và 230,1m² đất HNK), tại địa chỉ phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (bút lục số 26).

[3.2] Đối với diện tích 56,2m² đất (đo đạc thực tế là 50m²): Ngày 15/5/2017 ông Nguyễn Văn T làm đơn xin cấp GCNQSDĐ. Ngày 26/9/2017, UBND phường C xác nhận diện tích 56,2m² ông Nguyễn Văn T xin cấp GCNQSDĐ có nguồn gốc là đất giáo dục (đất Mẫu giáo) được thể hiện tại Sổ 5A, đăng ký năm 1983 (bút lục số 278). Ngày 26/12/2018, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi-Chi nhánh thành phố Q ban hành Thông báo số 2006/TB-CNTPQN về việc trả hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ cho ông T (bút lục số 163)

[3.3] Theo Bản đồ đo vẽ năm 1983, đất trường học xóm Phú Mỹ Trung được xây dựng trước năm 1975 (nay là điểm sinh hoạt văn hóa tổ 04) thuộc thửa đất số 156, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.140m², loại đất T. Đối chiếu với Bản đồ đo vẽ năm 1993, thuộc một phần thửa đất số 1113, tờ bản đồ số 01, diện tích 640m² (giảm 150m²), loại đất T, do Trường học thôn 05 đứng tên trong Sổ mục kê. Bản đồ năm 2000 là thửa đất số 1168, tờ bản đồ số 01, diện tích 473m² (chưa tính diện tích đường đi). Ranh giới giữa đất của hộ ông T với đất Trường mẫu giáo là đường đi ra, vào khu vực dân cư. Năm 1996, Trường mẫu giáo xuống cấp, do chưa có kinh phí nên chưa làm lại mà để đất trống một thời gian. Thời điểm này, ông Nguyễn Văn T tự ý lấn chiếm một phần đất của Trường học.

[3.4] Đối chiếu theo Bản đồ đo vẽ năm 1983, phần đất ông T đang sử dụng thuộc thửa đất số 153, tờ bản đồ số 03, diện tích 380m², loại đất T [trang số 101, quyền 01, chủ sử dụng đất ghi tên Trục (Trim)]. Theo Sổ đăng ký ruộng đất (mẫu 05b), không đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg. Theo Bản đồ đo vẽ năm 1993, thửa đất số 153 thành thửa đất số 1020, tờ bản đồ số 01, diện tích 540m².

[3.5] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T cho rằng năm 1965 ông có mua của ông Trần Văn T 750m² đất có viết giấy tay với nhau. Còn ông Trần Văn T thừa nhận năm 1965 ông có bán cho ông Nguyễn Văn T và có viết giấy tay. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: (1) Tại Biên bản cuộc họp nghe phản ánh của nhân dân và đối thoại ngày 24/02/2006, thể hiện: "... Ý kiến của ông Trần Văn T: Năm 1965 ông bán nhà chứ không bán đất cho ông T, vì đất này là đất công điền không được mua bán. Trong giấy mua bán chỉ ghi giới cận, không ghi diện tích cụ thể, giấy này được chính quyền chứng thực..." (bút lục số 192, 193). (2) Tại Biên bản đối thoại ngày 19/12/2007, thể hiện: "... Ý kiến bổ sung của ông Trần Văn T: Năm 2001 ông T có đến nhà tôi, nói tôi viết lại giấy bán nhà với diện tích 750m², song tôi trả lời là không viết, vì lúc đó đất của tôi là khoảng 300m². Sau một thời gian ông T có nhờ một ông khác và một ông Luật sư đến nhà tôi viết lại giấy bán nhà với diện tích 750m², song tôi trả lời từ cận rõ ràng, diện tích tôi bán chỉ 300m², tôi không viết giấy. Diện tích đất của Trường Mẫu giáo trước đây rất rộng. Ý kiến ông Liên, cán bộ Tư pháp từ năm 1993-2002: ... Đất lúc ông T mua năm 1965

khoảng 300m², việc khiếu nại của ông T còn hồ sơ lưu tại UBND xã, UBND phường và một số nhân chứng vẫn còn sống có đề nghị ông T trả lại đất lấn chiếm cho Trường Mẫu giáo. Ý kiến của ông Huỳnh Dũng (là nhà liền kề với đất ông T): ... Ban đầu đất ông T chỉ khoảng 300m², dưới nền đất còn tranh chấp hiện nay vẫn còn móng nhà cũ của Trường Mẫu giáo. Ý kiến ông Phạm Đóc (Bí thư Chi bộ tổ 12):... Ông T nói đất ông là 750m² là không có cơ sở và ông T người bán nhà chỉ nói trên khuôn viên đất khoảng 300m². Ý kiến ông Cử (nguyên Chủ tịch Mặt trận): Chủ bán nhà đất hiện nay vẫn còn, chỉ nói là bán 300m², đất này là đất công điền” (bút lục số 301 đến 303). (3) Tại Biên bản buổi mít tinh trong toàn khối 4 ngày 20/7/1997, thể hiện: “... Ý kiến của ông T: Ông là người bán đất lại cho ông T, nên ông nói là đúng sự thật. Trường Mẫu giáo không lấn đất của ông T là 200m², sự thật là không có. Ông T nói rằng diện tích của ông T là 700m² hiện tại là không đúng. Ông T là người bán đất cho ông T diện tích đất là 350m² là đúng sự thật...” (bút lục số 142, 143). (4) Tại Biên bản làm việc về vụ tranh chấp đất giữa ông Nguyễn Văn T với Trường Mẫu giáo khối 4 ngày 04/12/2003: “... Ý kiến ông Giáp (Khối trưởng): Ông là dân địa phương ở Khối 4 từ năm 1954, ông biết rõ việc diện tích đất của ông T bán cho ông T không quá 400m². Đồng thời, những người dân ở cùng Khối sống từ trước đến nay cũng biết rõ việc diện tích đất của ông T không có diện tích 700m², mà chỉ khoảng từ 300m² đến 400m²” (bút lục số 203, 204). (5) Tại Biên bản làm việc ngày 24/9/2004, về việc cung cấp thông tin quá trình nộp thuế sử dụng đất ở Khối 4 (nay là tổ 12), phường C của ông T, thể hiện: “Từ năm 1992 đến năm 2004, ông Nguyễn Văn T nộp thuế đất đối với diện tích 540m²” (bút lục số 201). Ngoài ra, việc khiếu nại của ông T từ năm 1997 đã được chính quyền địa phương làm việc, Hòa giải nhiều lần, thể hiện tại: “Biên bản làm việc đơn thư khiếu nại đất đai của ông Nguyễn Văn T ngày 27/6/1997; Biên bản buổi mít tinh trong toàn Khối 4 ngày 20/7/1997; Biên bản làm việc với ông Nguyễn Văn T ở Khối 4 C ngày 02/8/1997; Biên bản về việc giải quyết buộc ông T dỡ dụn tường rào ngày 21/10/2001”. Tất cả các biên bản nêu trên đều thể hiện nội dung “Trường Mẫu giáo không lấn chiếm đất của ông T, mà ông T lấn đất của Trường Mẫu giáo và đề nghị ông T dỡ dụn tường rào trả lại đất cho Trường Mẫu giáo” (bút lục số 141 đến 145; 147, 148). Hơn nữa, tại Công văn số 1353/BTNMT-TTr ngày 14/4/2008 của Bộ Tài nguyên Môi trường về việc giải quyết khiếu nại của công dân, thể hiện: “Theo Bản đồ, Sổ mục kê và Sổ đăng ký ruộng đất xã Nghĩa Lộ (xã Nghĩa Lộ được chia thành phường C và phường Nghĩa Lộ) lập năm 1983 khi thực hiện Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ, thể hiện Trường Mẫu giáo sử dụng 2.140m² đất thuộc thửa số 156, tờ bản đồ số 3. Phần diện tích 56,2m² đang tranh chấp nằm trong diện tích 2.140m² nói trên ...” (bút lục số 368). Cũng như tại Biên bản về việc lấy ý kiến khu dân cư nhân dân tổ 12 đối với phần diện tích 56,2m² mà ông T đề nghị cấp GCNQSDĐ ngày 23/9/2017, thể hiện: “... Tất cả bà con nhân dân tham dự buổi họp không thống nhất cấp

GCNQSDĐ phần diện tích đất 56,2m² và kiến nghị việc cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn T năm 2015 đã lấn chiếm con đường đi, đề nghị xem xét lại” (bút lục số 115).

[4] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và những nội dung được phân tích tại các mục [1], [2] và [3] nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2021/HC-ST ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Bích V là có căn cứ. Kháng cáo của bà Trần Thị Bích V là không có căn cứ để chấp nhận. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị Bích V phải chịu theo quy định của pháp luật. Do bà Trần Thị Bích V là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính. Bác kháng cáo của bà Trần Thị Bích V, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; Điều 213 và khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính. Luật khiếu nại năm 2011. Nghị định 43/2014 của Chính phủ. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Bích V về việc yêu cầu hủy Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 28/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn T (lần đầu) và hủy Quyết định số 8251/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Văn T.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Trần Thị Bích V.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn Đặng Kim Nhân

Trần Quốc Cường

